

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	15	0		15	0	
2		MRM	11:25	16	0		12	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: MRM	CREW: Toàn - KIÊN	ETA: 10:50
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALITOV NAFIS	MRM	45	1	6		72	KHOAN	Russian
2	SHLYK VIKTOR	MRM	48	1	12		112	KHOAN	Russian
3	YAROTCKIY ALEXANDER	MRM	55-56	2	12		92	KHOAN	Russian
4	SUKHANOV EGOR	MRM	51	1	6		91	KHOAN	Russian
5	DROZDOV ANDREI	MRM	46-47	2	12		85	KHOAN	Russian
6	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	58-59	2	10		75	KHOAN	Russian
7	POGIEV VADIM	MRM	52-53	2	17		85	KHOAN	Russian
8	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	50	1	5		92	KHOAN	Russian
9	ZHUICO VALERII	MRM	54	1	6		95	KHOAN	Russian
10	MIROPOLTSEV ANATOLII	MRM	49	1	8		100	KHOAN	Russian
11	ZGONIK VADIM	MRM	44	1	14		85	KHOAN	Russian
12	MAI MINH TUAN	MRM	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN NGOC HUNG	MRM	62-63	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	LAM VAN NGHIA	MRM	64-65	2	17		78	KHOAN	Vietnamese
15	SUSTAVOV V.S.	MRM	57	1	8		110	KHOAN	Russian
16	TA THAI DUONG	MRM	60	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
17	LE TRONG HUONG	MRM	66	1	6		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	17	23	160	1.433	0	15		
	TOTAL	17	23	160	1.433	0	15		
	WEIGHT KG			160	1.433	0			

GRAND TOAL: 1.593 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 11:30
FLIGHT: 02	TO: MRM	CREW: Toàn - TRƯỞNG	ETA: 14:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EROFFEV DANIIL	MRM	69	1	10		99	KHOAN	Russian
2	ZASTAVNY VASILII	MRM	72	1	5		77	KHOAN	Russian
3	SAPRYKIN VLADIMIR	MRM					130	KHOAN	Russian
4	KHARCHENKO IGOR	MRM	70	1	5		82	KHOAN	Russian
5	KONDRATIUK KIRILL	MRM	71,73	2	15		71	KHOAN	Russian
6	NGUYEN THANH TAM	MRM	19-20	2	11		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU TAM	MRM	16-17	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
8	DANG QUOC KHANH	MRM	14-15	2	18		67	KHOAN	Vietnamese
9	LE VIET HIEU	MRM	68	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
10	LUONG VAN TRUONG	MRM	25	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH QUANG TIEN	MRM	18	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DINH CUONG	MRM	24	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
13	HO NGOC HAI	MRM	21-22	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH THAI	MRM	67	1	15		99	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TINH	MRM	23	1	5		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	19	153	1.181	0	13		
TOTAL		15	19	153	1.181	0	13		
WEIGHT KG				153	1.181	0			

GRAND TOAL: 1.334 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/11/2019

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5+TD2	7:25	13+9+0	0+0+0		6+9+7	0+0+0	
2		TD5+RC3+TD1	7:25	20+0+0	0+0+0		14+6+1	0+0+0	
3		P5+P9+CTK3+TD3	7:25	2+3+10+6	0+0+0+0		0+0+14+7	0+0+0+0	CHUYỂN 2 CTK3-TD3
4		PPD+BK4+TD3	9:25	11+0+11	0+0+0		9+0+13	0+0+0	CHUYỂN 2 PPD-BK4
5		P6+RC5+RP3	9:25	16+5+1	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
6		P4+BK3+P2	9:25	19+0+0	0+0+0		10+11+1	0+0+0	CHUYỂN 1 BK3 P2

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3 - TD5 - TD2	CREW: Hôi - CHIẾN - N.Anh - Năm	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	48	1	5	70	75	KHOAN	Vietnamese
2	KODZOEV M.M	TD3	44-45	2	14		95	KHOAN	Russian
3	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	39	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
4	SOCHIVES	TD3	47	1	7		105	KHOAN	Russian
5	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	49	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU THO	TD3	42	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO DUY CHÍNH	TD3					66	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM HUNG DUONG	TD3	41	1	3		96	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH HUNG	TD3	40	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH AI HUU	TD3	38	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	43	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ LONG PHI	TD3	46	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
14	VU BA THUAN	TD3	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH TINH	TD3	51	1	15		75	DVL	Vietnamese
16	HÀ VĂN DŨNG	TD5	747	1	6	55	80	KHOAN	Vietnamese
17	UVAISHOV A.X	TD5					110	KHOAN	Russian
18	HÀ THANH TUNG	TD5	96	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
19	VI HUNG CUONG	TD5	49	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5	47	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HUU LOC	TD5	51	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

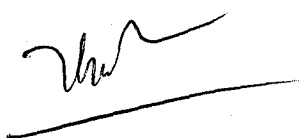
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	14	78	1.150	70	6		
2	TD5	7	6	30	579	55	9		
3	TD2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	20	108	1.729	125	22		
WEIGHT KG				108	1.729	125			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: TD5 - RC3 - TD1	CREW: HÙNG - MTHAO - NPhú - THỤ	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	02	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
2	LÂM VĂN HẠNH	TD5	01	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	03	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN KÝ	TD5	15	1	17		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD5	13-14	2	17		92	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	TD5	23	1	8		82	DVL	Vietnamese
7	DOBROVOLSKY OLEG	TD5	12	1	20		85	DVL	Russian
8	VŨ HAI THĂNG	TD5	24	1	14		74	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD5	18	1	7		65	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ TUÂN	TD5	16	1	17		72	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD5	22	1	14		70	DVL	Vietnamese
12	HUYNH VŨ TÍNH	TD5	71	1	7		68	DVL	Vietnamese
13	KRAVTSOV ALEXANDER	TD5	10-11	2	19		74	DVL	Russian
14	PHẠM HỒNG QUY	TD5	08	1	7		68	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐŨNG	TD5	09	1	14		58	DVL	Vietnamese
16	PHẠM VĂN SANG	TD5	06	1	10		70	DVL	Vietnamese
17	ĐINH VĂN ĐÔNG	TD5	07	1	12		59	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN CHÍ CÔNG	TD5	19	1	9		68	NIPI	Vietnamese
19	TRẦN HỒNG PHÚC	TD5	20	1	8		78	NIPI	Vietnamese
20	PHẠM VĂN BẢO	TD5	04-05	2	13		77	YTE	Vietnamese
21	CAO XUÂN CUƠNG	TD5	17	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN KHOAN	TD5	25	1	4		56	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	25	242	1.538	40	15		
2	RC3	0	0	0	0	40	6		
3	TD1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	242	1.538	40	22		
WEIGHT KG				242	1.538	40			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P5 - P9 - CTK3 - TD3	CREW: Vận - XTrường - Huy	ETA: 09:35
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM NHAT MINH	P5	29	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
2	HOANG QUOC HUY	P5	30-31	2	17	50	70	CODIEN	Vietnamese
3	DOAN XUAN CUONG	P9	71-72	2	17	20	70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN BA THUAN	P9	69	1	10	19	65	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY BAI	P9	73	1	12	35	75	CODIEN	Vietnamese
6	TRAN NGOC BINH	CTK3	66	1	5		65	SBAY	Vietnamese
7	AZMAN BIN MOHD FADZIL	CTK3	62-63	2	15		72	KH-THAC	Myanmar
8	DO VAN THAO	CTK3	64-65	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
9	LE THE LONG	CTK3	60-61	2	15		70	LILAMA	Vietnamese
10	NGUYEN TRI TAI	CTK3	59	1	5		60	LILAMA	Vietnamese
11	PHAM VAN TUYEN	CTK3	67	1	5		65	LILAMA	Vietnamese
12	NGUYEN TI	CTK3	68	1	5		65	LILAMA	Vietnamese
13	PHAM TRONG HA	CTK3	28	1	5		65	LILAMA	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC CHINH	CTK3	57	1	10		72	LILAMA	Vietnamese
15	VU TIEN DUNG	TD3	32	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN TUAN ANH	TD3	33	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
17	TRINH HUU HIEU	TD3	38	1	5		70	PVDT	Vietnamese
18	PHAM VAN NAM	TD3	36	1	6		52	PVDT	Vietnamese
19	NGUYEN DUY KHANH	TD3	34-35	2	12		65	PVDT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

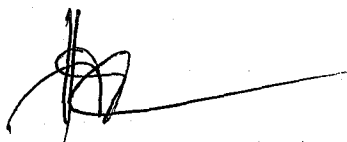
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	3	27	135	50	0		CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG TD3
2	P9	3	4	39	210	74	1		
3	CTK3	9	12	80	602	0	14	2	
4	TD3	5	6	33	337	0	7		
TOTAL		19	25	179	1.284	124	22		
WEIGHT KG				179	1.284	124			

GRAND TOAL: 1.587 KGS

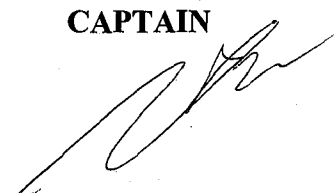
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: PPD - BK4 - TD3	CREW: Hoi - CHIEN - N.Anh - Năm	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THI	PPD	78	1	7		55	TRUONGV	Vietnamese
2	NGUYEN VAN QUI	PPD	72-73	2	14		70	TRUONGV	Vietnamese
3	LE MINH NGA	PPD	77	1	5		55	TRUONGV	Vietnamese
4	HUYNH NGOC HUAN	PPD	74	1	5		55	TRUONGV	Vietnamese
5	PHUNG HOANG AN	PPD	75	1	5		60	TRUONGV	Vietnamese
6	NGUYEN PHUOC LOC	PPD	98-99	2	8		63	TRUONGV	Vietnamese
7	CHAU THANH TUAN	PPD	76	1	7		59	TRUONGV	Vietnamese
8	CHAU VAN DIN	PPD	900	1	4		63	TRUONGV	Vietnamese
9	VI DEUC TU	PPD	97-98	2	14		62	TRUONGV	Vietnamese
10	NGUYEN MONG LONG	PPD	99	1	10		72	TRUONGV	Vietnamese
11	DO VAN THANH	PPD	96	1	5		55	TRUONGV	Vietnamese
12	NGUYEN DINH NGU	TD3	46	1	6	30	60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN DONG	TD3	45	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH VAN TAM	TD3	51	1	14		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MINH	TD3	48	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	HO NGOC BEN	TD3	41	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	DANG DUC THUAN	TD3	42	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
18	DO NGOC DUYN	TD3	39	1	12		74	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN TRUONG SINH	TD3	47	1	10	68	77	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG HOA	TD3	40	1	10		85	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HONG QUAN	TD3	49-50	2	10		69	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VIET DUNG	TD3	43-44	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	14	84	669	0	9 + 2		CHUYEN 2 PAX PPD SANG BK4
2	BK4	0	0	0	0	18	0		
3	TD3	11	13	116	767	98	13		
TOTAL		22	27	200	1.436	116	22		
WEIGHT KG				200	1.436	116			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	TO: P6 - RC5 - RP3	CREW: Vận - XTrường - Huy	ETA: 11:55
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN LÁC	P6	98	1	17		92	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH THANG	P6	64	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VĂN VIÊN	P6	65-66	2	17		82	XAYLAP	Vietnamese
4	DƯƠNG TUẤN VIỆT	P6	63	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
5	LE PHUC HOANG	P6	61-62	2	17		85	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN CHINH	P6	96	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TRAN VINH	P6	23	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRUONG VAN DUC	P6	97	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CƯỜNG	P6	99-700	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HỒNG THANH	P6	95	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC HOANG	P6	67	1	10		60	BA SON	Vietnamese
12	ĐÌNH VĂN HAI	P6	70-72	3	16		60	BA SON	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HUNG	P6	73	1	5		70	BA SON	Vietnamese
14	NGO DUC AN	P6	69	1	5		65	BA SON	Vietnamese
15	BUI THO BAN	P6	68	1	5		80	BA SON	Vietnamese
16	LÊ HỒNG ĐỨC	RC5	71	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RC5	72	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HOAN	RC5	68-69	2	15	40	55	CODIEN	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG NGHĨA	RC5	66-67	2	10		70	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ TIẾN PHỤNG	RC5	70	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3	27	1	3		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	15	20	182	1.093	0	0		
2	RC5	5	7	40	334	40	9		
3	RP3	1	1	3	80	0	13		
TOTAL		21	28	225	1.507	40	22		
WEIGHT KG				225	1.507	40			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/11/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:59
FLIGHT: 06	TO: P4 - BK3 - P2	CREW: HUNG - MTHAO - NPhú - THỤ	ETA: 12:00
VANG-2			

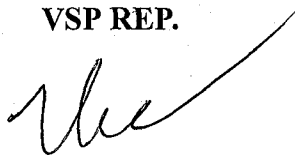
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	R.VAITHISWARAN	P4	22	1	5	40	75	KHI	Indian
2	NGUYEN VAN BAN	P4	06	1	6	40	70	PVE-PMC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN HUNG	P4	13	1	7		55	PVE-PMC	Vietnamese
4	BUI AN	P4	11	1	8		78	PVE-PMC	Vietnamese
5	TRAN HAU THO	P4	20	1	5		58	PVE-PMC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN ĐỨC	P4	15-16	2	6		58	PVE-PMC	Vietnamese
7	PHAM VAN THIET	P4	12	1	6		71	PVE-PMC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HAI	P4	07	1	6		81	PVE-PMC	Vietnamese
9	VU VAN DIEN	P4	10	1	6		65	PVE-PMC	Vietnamese
10	TRAN DANH LUAT	P4	17	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN TUNG	P4	14	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
12	CHU TIEN CUONG	P4	09	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC TOAN	P4	05	1	10		61	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN BUI XUAN DUNG	P4	18-19	2	12		63	PVE	Vietnamese
15	TRINH VAN THANH	P4	21	1	14		66	PVE	Vietnamese
16	VO HONG QUAN	P4	08	1	6		89	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

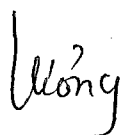
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	18	134	1.077	80	10		CHUYEN 1 PAX BK3 SANG P2
2	BK3	0	0	0	0	20	11		
3	P2	0	0	0	0	45	1		
TOTAL		16	18	134	1.077	145	22		
WEIGHT KG				134	1.077	145			

GRAND TOAL: 1.356 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

